TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 361/2024/DS-ST
Ngày: 24 - 9 - 2024
V/v"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Ông Nguyễn Hữu Tố

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Tuyền là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

2. Bị đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966

Ông Trần H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định

(Ông M, bà Đ có mặt, ông Trần H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Ông M là đại lý thức ăn chăn nuôi, có mối quan hệ làm ăn mua bán với bà Nguyễn Thị Đ từ năm 2019 đến nay. Tính đến thời điểm ngày 25/12/2023 âm lịch, bà Đ còn nợ ông tiền thức ăn chăn nuôi là 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng). Sau đó, bà Đ có trả thêm cho ông M số tiền 20.000.000 đồng. Ông M đã tiếp tục yêu cầu vợ chồng bà Đ, ông H trả nợ cho ông nhiều lần, vợ chồng bà Đ hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Nay ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần H trả cho ông số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng), yêu cầu vợ chồng bà Đ, ông H trả một lần số tiền trên. Ngoài ra, ông M không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản tự khai ngày 24/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ và ông M có mối quan hệ làm ăn mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau từ năm 2019 đến nay. Tính đến thời điểm ngày 25/12/2023 âm lịch, vợ chồng bà còn nợ ông M tiền thức ăn chăn nuôi là 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng) như ông M trình bày là đúng. Sau đó, bà Đ có trả cho ông M 20.000.000 đồng. Do điều kiện làm ăn thua lỗ, nên vợ chồng bà chưa có điều kiện trả nợ cho ông M. Nay ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) thì vợ chồng bà thống nhất số nợ và chấp nhận trả nợ, nhưng vợ chồng bà không có khả năng trả nợ một lần, bà Đ xin trả làm 2 đợt, đợt 1 tháng 11/2024 âm lịch trả 20.000.000 đồng; đợt 2 tháng 3/2025 âm lịch sẽ trả hết nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2024, ông Trần H trình bày:

Vợ chồng ông H và ông M có mối quan hệ làm ăn mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau từ năm 2019 đến nay. Tính đến thời điểm ngày 25/12/2023 âm lịch, vợ chồng ông còn nợ ông M tiền thức ăn chăn nuôi là 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng). Do điều kiện làm ăn thua lỗ, nên vợ chồng ông chưa có điều kiện trả nợ cho ông M. Nay ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng) thì vợ chồng ông thống nhất số nợ và chấp nhận trả nợ, nhưng vợ chồng ông không có khả năng trả nợ một lần, ông H xin trả dần, khi nào có sẽ trả cho ông M cho đến khi trả hết nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng có nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; đồng

thời đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc vợ chồng ông Trần H, bà Nguyễn Thị Đ trả cho ông M số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng), ông M không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông H, bà Đ chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi giữa hai bên nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn vợ chồng ông H, bà Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông H.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của ông M, yêu cầu vợ chồng ông H, bà Đ trả nợ cho ông, thấy rằng: Vợ chồng ông H, bà Đ đều thừa nhận vợ chồng ông, bà có mua bán thức ăn chăn nuôi với ông M và còn nợ số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng). Như vậy, xác định việc ông M bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông H, bà Đ và còn nợ số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) là đúng sự thật.

Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế còn khó khăn nên vợ chồng ông H, bà Đ xin được trả dần số nợ trên nhưng không được ông M đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc vợ chồng ông H, bà Đ không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông M. Do đó, việc ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà Đ phải trả cho ông M số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông M không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông H, bà Đ phải chịu 2.300.000 đồng (46.000.000 x 5%).

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M. Buộc vợ chồng ông Trần H, bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông M số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng). Ông M không yêu cầu trả lãi suất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Trần H, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho ông Lê Văn M số tiền 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp theo Biên lai thu số 0006461 ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Long Nhiên